

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Chí Hường

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Email: nguyenchihuong@npa.org.vn

Ngày nhận: 2/10/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/11/2016

Ngày duyệt đăng: 25/12/2016

Tóm tắt:

Bài viết này phân tích thực trạng tự chủ tài chính tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các đơn vị trong hệ thống Học viện có mức độ tự chủ tài chính vẫn còn khá thấp so với yêu cầu. Bên cạnh đó, các điều kiện đảm bảo thực hiện tự chủ tài chính còn thiếu; tự chủ tài chính chưa đi liền với tự chủ về nhiệm vụ đào tạo, cơ cấu tổ chức; cơ chế, chính sách, công tác kiểm tra, giám sát và phân cấp quản lý tài chính còn bất cập. Từ đó bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tự chủ tài chính tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Từ khóa: tự chủ, tài chính, học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Financial autonomy in Ho Chi Minh National Academy of Politics

Abstract

This paper analyzes the performance of financial autonomy at Ho Chi Minh National Academy of Politics. The results show that the level of financial autonomy in the Academy system is still quite low compared to the demand. Besides, the conditions to ensure financial autonomy are inadequate; financial autonomy has not been linked with autonomy in training and organizational structure. In the same time, the mechanisms, policies, inspection, monitoring and financial decentralization are still inadequate. On this basis, the paper proposes some solutions to promote financial autonomy at Ho Chi Minh National Academy of Politics.

Keywords: finance, autonomy, Ho Chi Minh National Academy of Politics

1. Đặt vấn đề

Tài chính là một nguồn lực rất quan trọng để thúc đẩy phát triển giáo dục nói chung và giáo dục đại học công lập nói riêng. Tự chủ tài chính trong các trường cơ sở đào tạo công lập với mức độ cao đã và đang trở thành xu thế tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội bền vững của Việt Nam (Phùng Xuân Nhạ & Phạm Xuân Hoan, 2012). Chính vì vậy, trong thời gian qua, trên cơ sở một loạt các văn bản về tự chủ tài chính được Nhà nước ban hành, nhiều cơ sở đào tạo ở Việt Nam đã áp dụng linh hoạt và thực hiện tự chủ tài chính cho phù hợp với yêu cầu phát

triển (Chính phủ, 2014 và 2015).

Trong xu thế đó, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tiến hành thí điểm thực hiện tự chủ tài chính tại các đơn vị trong hệ thống từ năm 2009 tới nay. Công tác tự chủ tài chính đã mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ nhưng cũng còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu và tìm ra hướng khắc phục trong thời gian tới.

2. Thực trạng tự chủ tài chính tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

2.1. Những kết quả đạt được

2.1.1. Tự chủ về thu

- Đối với nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng

năm: về cơ bản, mức độ kinh phí ngân sách giao cho đơn vị được tăng lên qua các năm sau khi đã bổ sung cho các nhiệm vụ phát sinh tăng trong năm như tăng lương cơ bản, do điều chỉnh định mức chi, biến động của thị trường có liên quan đến hàng hóa, dịch vụ cung cấp và các nhiệm vụ đột xuất khác nhằm đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đối với các nhiệm vụ không thường xuyên, căn cứ vào dự toán và quy mô phát triển của từng đơn vị, nguồn ngân sách nhà nước đã phần nào đáp ứng đầy đủ các nhu cầu kinh phí về nghiên cứu khoa học, khảo sát điều tra và tập trung vào việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

- Đối với nguồn thu sự nghiệp: các đơn vị đã nỗ lực để thực hiện đa dạng hóa nguồn thu phục vụ cho các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và góp phần cải thiện thu nhập của cán bộ, giảng viên. Một số hoạt động của các đơn vị đang từng bước xã hội hóa như nhà ăn, bảo vệ, trông giữ xe... nhằm hướng tới việc giảm thiểu nguồn ngân sách nhà nước và tạo được nguồn thu cho đơn vị. Ngoài ra, một số đơn vị trực thuộc như Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, Học viện Báo chí & Tuyên truyền còn mở rộng các hoạt động liên kết trong hoạt động xuất bản, đào tạo, bồi dưỡng.

Bảng 1 cho thấy các khoản thu sự nghiệp khá cụ thể và chi tiết. Tuy nhiên, các khoản thu này đã được quy định nên phần lớn các đơn vị thuộc Học viện đều tuân thủ theo và khó có thể tự chủ trong nội dung này. Dù vậy, điểm khác biệt tại các đơn vị nằm ở các khoản thu từ loại hình đào tạo không chính quy và một số hoạt động thu sự nghiệp khác. Vì thế, tự chủ trong quyết định mức phí thu tại các

đơn vị cũng có sự khác biệt và đơn vị có sự tự chủ quyết định mức phí thu lớn nhất là Học viện Báo chí Tuyên truyền, tiếp theo đó là đến Học viện I, II, III; Trung tâm học viện và Học viện 4 là cuối cùng.

2.1.2. Tự chủ về chi

Kể từ năm 2008, Học viện đã được Bộ Tài chính giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho một số đơn vị dự toán cấp III (Trung tâm Học viện, Học viện Hành chính, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính), mức tự đảm bảo đạt 86%. Đến năm 2009, Học viện tiếp tục việc triển khai xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị dự toán cấp III có đủ điều kiện (các Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I, II, III, Học viện Báo chí và Tuyên truyền) theo mức phân loại là các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động với mức tự đảm bảo 10% - 28%. Kinh phí chi Học viện bao gồm:

- Kinh phí chi đầu tư phát triển

Đây là phần kinh phí chi cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, các dự án đầu tư trang thiết bị máy móc phục vụ trực tiếp cho giảng dạy và học tập. Việc giao kinh phí đầu tư phát triển đang có xu hướng giảm dần. Bên cạnh đó, việc giao kinh phí này ở các đơn vị qua các năm phụ thuộc vào kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng đầu tư trang thiết bị máy móc ở các đơn vị. Tuy nhiên, các đơn vị như Văn phòng Học viện, Học viện hành chính thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số kinh phí được giao (xem bảng 2).

- Kinh phí chi thường xuyên

Là khoản chi tiêu công, không mang tính chất bồi

Bảng 1: Các khoản thu sự nghiệp của Học viện

Đơn vị: tỷ VND

Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Thu phí, lệ phí	1,783	3,188	3,662	5,108	10,359	2,186	4,278
Thu học phí chính quy	24,688	26,575	25,866	45,825	79,050	37,651	51,136
Thu đào tạo tại chức	69,697	76,808	106,647	126,729	154,280	54,807	108,548
Thu sự nghiệp khác	28,244	47,009	71,024	88,316	100,415	44,615	50,378
Tổng số	124,412	153,580	207,199	265,978	344,104	139,259	214,340

Nguồn: Học viện Chính trị quốc gia (2015)

Bảng 2: Kinh phí chi đầu tư phát triển tại các đơn vị trực thuộc Học viện*Đơn vị: tỷ VND*

TT	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Văn phòng Học viện	13,823	30,000	74,600	32,392	43,500	40,210	38,500
2	Học viện Chính trị khu vực I	7	1,4	0	23,908	19,1	0	9,5
3	Học viện Chính trị khu vực II	1,5	10,7	8,7	8	12	9	10,2
4	Học viện Chính trị khu vực III	0,07	0,05	0,35	0,1	0	0,2	0,22
5	Học viện Báo chí - Tuyên truyền	23,22	1,466	1,15	20	10	1,2	2
Tổng số		37,963	43,616	84,800	77,200	84,600	50,610	58,422

Nguồn: Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015)

hoàn trực tiếp, việc quản lý nội dung chi của trường tuân thủ chặt chẽ theo Luật Ngân sách nhà nước và cơ chế quản lý tài chính hiện hành. Dựa trên mức phân loại, số giao kinh phí tự chủ theo phương án đã phê duyệt, số kinh phí do Bộ Tài chính giao và ý

kiến thẩm định của Bộ Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Học viện sẽ cân đối và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán trên nguyên tắc đảm bảo theo phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã giao và bổ sung kinh phí đối với các nhiệm

Bảng 3: Kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị trực thuộc Học viện*Đơn vị: tỷ VND*

TT	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Văn phòng Học viện	88,269	92,217	98,824	119,32	156,420	268,48	232,28
2	Học viện Chính trị khu vực I	0	30,749	33,032	43,667	48,423	90,354	112,59
3	Học viện Chính trị khu vực II	0	27,673	31,281	39,250	46,465	62,125	82,706
4	Học viện Chính trị khu vực III	0	21,325	23,171	32,207	37,908	49,020	68,398
5	Học viện Báo chí - Tuyên truyền	0	36,018	38,490	49,797	60,177	118,20	136,61
7	Nhà xuất bản Chính trị	1,075	1,170	1,349	1,650	2,022		9,628
Tổng số		89,344	209,15	226,147	285,89	351,415	588,19	642,22

Nguồn: Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015)

vụ tăng trong năm theo quy định. Phần kinh phí này chủ yếu bao gồm: Kinh phí ngân sách nhà nước cấp thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như các khoản chi tiền lương và các khoản thanh toán cá nhân, chế độ học bổng, sinh hoạt cho học sinh, học viên...; thanh toán các dịch vụ phục vụ cho công tác, chi phí thuê mướn, chi đoàn ra, đoàn vào phục vụ cho nhiệm vụ hợp tác quốc tế, chi nghiệp vụ chuyên môn phát sinh trong triển khai nhiệm vụ chính trị; các hoạt động phát sinh đột xuất tại đơn vị, chi hỗ trợ các tổ chức đoàn thể, chi cho công tác Đảng, chi cho nghỉ mát;...

Bảng 3 cho thấy kinh phí ngân sách nhà nước tăng liên tục qua các năm trong giai đoạn từ 2008 đến 2014. Trong đó, đơn vị được dự toán kinh phí ngân sách nhà nước lớn nhất là Văn phòng Học viện, sau đó là Học viện Báo chí- Tuyên truyền và Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I. Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính có dự toán thấp nhất, chỉ ở mức 9,628 triệu VND.

- *Kinh phí chi không thường xuyên*

Kinh phí đầu tư tăng cường cơ sở vật chất (mua sắm, sửa chữa tài sản) và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất: Phần kinh phí này chủ yếu tập trung vào việc tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và

công tác chuyên môn cho cán bộ, giảng viên. Mặt khác, một phần kinh phí dùng để bố trí cho việc cải tạo, sửa chữa tài sản có tính chất đầu tư như nhà cửa, giảng đường, hệ thống đường xá,... Ngoài ra, do Học viện là đơn vị vừa thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng, vừa thuộc Chính phủ nên trong năm, Học viện thường phải triển khai một số nhiệm vụ đột xuất do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

- *Kinh phí ngân sách nhà nước cấp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học*

Phần kinh phí này hàng năm phụ thuộc vào số lượng và cấp độ đề tài nghiên cứu khoa học được các Bộ, Ngành giao. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Học viện đã tập trung vào việc nâng cao chất lượng nghiên cứu đề tài, đổi mới hình thức lựa chọn đề tài theo hình thức tuyển thầu đối với đề tài cấp Bộ, phân cấp các đề tài nghiên cứu và hội thảo cấp cơ sở; đẩy mạnh hoạt động thông tin khoa học, quan hệ hợp tác quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm nghiên cứu khoa học trên thế giới.

- *Nguồn ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ đào tạo lại cán bộ, công chức*

Đây là phần kinh phí mà Học viện dùng để tập trung đào tạo các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên nhằm nâng cao trình độ

Bảng 4: Kinh phí chi không thường xuyên tại các đơn vị dự toán trực thuộc Học viện

Đơn vị tính: tỷ VND

TT	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Văn phòng Học viện	40,183	52,664	63,672	47,998	63,935	78,303	77,522
2	Học viện CT khu vực I	34,799	11,559	14,900	13,820	27,766	17,626	13,900
3	Học viện CT khu vực II	30,931	7,430	10,690	8,340	8,480	11,260	11,580
4	Học viện CT khu vực III	25,199	8,330	8,450	7,674	7,660	11,010	10,801
5	Học viện Báo chí - Tuyên truyền	42,299	12,446	23,204	29,862	21,459	23,438	20,808
7	Nhà xuất bản CT	0	230	300	500	335	0	300
Tổng số		173,411	92,659	121,216	108,194	129,635	141,637	134,91

Nguồn: Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015)

lý luận của giảng viên, đồng thời cập nhật những kiến thức mới về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

- *Nguồn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện đào tạo học viên quốc tế*

Hàng năm, căn cứ Hiệp ước quốc tế về đào tạo giữa hai bên, căn cứ chỉ tiêu đào tạo do Bộ Kế hoạch – Đầu tư giao và kinh phí do Bộ Tài chính giao, Học viện sẽ tiến hành phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các đơn vị dự toán trực thuộc (Trung tâm Học viện, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I, Học viện Báo chí và tuyên truyền, Học viện Hành chính) để thực hiện việc triển khai hoạt động chuyên môn đối với các hệ đào tạo: đại học, sau đại học, bồi dưỡng cán bộ ngắn hạn cho các chuyên ngành kiểm tra, dân vận, đối ngoại.

Về cơ bản, việc quản lý nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc kinh phí giao tự chủ tài chính lại đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ đã được Học viện phê duyệt.

Bảng 4 cho thấy kinh phí chi không thường xuyên ở mức tương đối ổn định, ở mức 140 tỷ đồng. Trong đó, Văn phòng Học viện vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (hơn 50%), các đơn vị khác chiếm tỷ trọng thấp hơn rất nhiều.

2.1.3. Phân cấp quản lý tài chính

Trong công tác điều hành quản lý tài chính, nhằm triển khai các nhiệm vụ một cách kịp thời có hiệu quả, Học viện đã tăng cường phân cấp quản lý cho các đơn vị dự toán trực thuộc đối với một số nguồn kinh phí tạo điều kiện cho Thủ trưởng các đơn vị được chủ động đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm điều hành dự toán và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- *Phân cấp trong quản lý thu:* Thủ trưởng các đơn vị dự toán tự quyết định về phương án tổ chức các hoạt động tạo nguồn thu trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Học viện về các hoạt động này, đảm bảo có hiệu quả và thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định. Trong trường hợp phát sinh kế hoạch các nguồn thu do được tài trợ, thu từ các tổ chức bên ngoài để liên kết thì thủ trưởng đơn vị được phép phê duyệt định mức thu và dự toán chi từ nguồn thu này, đồng thời thực hiện việc thanh quyết toán theo chế độ hiện hành. Hàng quý, các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ về Học viện để thực hiện chức năng quản lý theo quy định.

- *Phân cấp trong quản lý chi:* Đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã có trong dự toán được phê duyệt thì Thủ trưởng đơn vị được quyền chủ động chi theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên mang tính đặc thù, phát sinh đột xuất không được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, thủ trưởng các đơn vị phải phê duyệt dự toán chi toán và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đối với việc mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, Học viện phân cấp cho các đơn vị dự toán trực thuộc được thực hiện đối với các danh mục dưới 500 triệu VND và báo cáo kết quả về Học viện để kiểm tra, giám sát. Đối với các danh mục có giá trị trên 500 triệu VND, Học viện trực tiếp thẩm định và phê duyệt. Việc thực hiện các danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản được thực hiện thông qua quyết định phê duyệt của Học viện cho từng đơn vị dự toán. Vào trung tuần tháng 10 hàng năm, căn cứ vào tình hình triển khai và nhu cầu thực tế, các đơn vị dự toán tiến hành rà soát và báo cáo đề xuất gửi Ban Giám đốc cho phép điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định.

- Đối với kinh phí nghiên cứu khoa học, Học viện phân cấp cho các đơn vị dự toán trực thuộc được phê duyệt, giao danh mục, kinh phí cho các đề tài khoa học, hội thảo khoa học, chi phí quản lý đề tài cấp cơ sở và báo cáo kết quả về Học viện để kiểm tra, giám sát. Đối với các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Bộ tuyển thầu, hội thảo cấp Học viện, Học viện trực tiếp thẩm định và phê duyệt dự toán trước khi thực hiện. Ngoài ra, Học viện cũng khuyến khích các đơn vị dự toán trực thuộc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học. Hàng năm, Học viện đã bố trí một phần kinh phí để thực hiện đoàn ra, kinh phí này nằm trong kinh phí phân cấp cho các đơn vị dự toán.

2.2. Những hạn chế

2.2.1. Về tự chủ thu

- Dự toán ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực chi chưa có căn cứ vững chắc, còn nhiều tồn tại và chưa thực sự được tổ chức xây dựng, tổng hợp từ các đơn vị sử dụng ngân sách. Việc lập dự toán tại một số đơn vị sử dụng ngân sách chưa tốt, còn mang tính hình thức, nhiều đơn vị lập và gửi dự toán cho Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (đơn vị dự toán cấp I) nhưng không thuyết minh cơ sở tính toán hoặc thuyết minh không kịp thời.

- Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Học

viện còn chưa thực sự bảo đảm tính khách quan và phần nào còn là ý kiến chủ quan của các đơn vị xây dựng dự toán. Các đơn vị thụ hưởng ngân sách luôn có xu hướng lập dự toán thu thấp và dự toán chi cao để có thể chủ động trong triển khai thực hiện dự toán sau khi được phê duyệt. Thực tế cho thấy số liệu dự toán chi do các đơn vị dự toán ngân sách cấp II và cấp III lập thường cao hơn gấp nhiều lần so với số kiểm tra dự toán ngân sách được giao đầu năm và nhu cầu thực tế kinh phí của năm kế hoạch.

- Công tác xây dựng kế hoạch nói chung và hoạt động dự toán ngân sách nhà nước nói riêng hiện tại còn chưa đảm bảo tính tổng thể, có sự tách rời giữa việc xây dựng kế hoạch của các mặt hoạt động với kế hoạch ngân sách.

- Mặc dù đã kết thúc thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp nhưng hiện nay, các đơn vị dự toán chưa thực hiện tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính trong 3 năm, đồng thời chưa lập phương án tự chủ cho thời kỳ ổn định tiếp theo.

- Trong công tác lập dự toán, dự toán thu của các đơn vị chưa thực sự tích cực và chưa bao quát hết nguồn thu: Kết quả tổng hợp dự toán thu hàng năm tại các đơn vị dự toán trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cho thấy dự kiến dự toán thu của một đơn vị thấp hơn dự toán đã thực hiện năm trước, một số khoản thu chưa được tính toán sát thực với khả năng của nguồn thu; các khoản thu sự nghiệp của các đơn vị dự toán chưa được tổng hợp đầy đủ... Tình trạng lập dự toán thu thiếu tại các đơn vị dự toán trực thuộc chậm được khắc phục dẫn đến Học viện khó xác định được số thu hợp lý để báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước.

- Nguồn thu của các đơn vị rất hạn chế, chủ yếu là thu từ hoạt động đào tạo tại chức theo chỉ tiêu của Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Giáo dục – Đào tạo giao, thu từ tận dụng cơ sở vật chất, liên kết với các trung tâm đào tạo trong khi nguồn ngân sách nhà nước cấp tự chủ có hạn nên ảnh hưởng rất nhiều đến việc triển khai thực hiện quy định của Chính phủ (2006) tại các đơn vị.

- Các đơn vị chưa có quy định rõ ràng việc khai thác nguồn thu, đặc biệt từ các hoạt động dịch vụ, liên doanh, liên kết, chưa xây dựng cơ chế quản lý thu, chi từ nguồn thu từ đó chưa tạo động lực tích cực cho các phòng ban, cá nhân hỗ trợ tích cực tìm kiếm nguồn thu.

- Do Học viện chưa tiến hành giao tài sản cho

các đơn vị thực hiện tự chủ tài chính trong khi cơ sở vật chất như giảng đường, nhà ở học viên bị xuống cấp nên hàng năm phải dành một lượng kinh phí rất lớn đến việc duy tu, sửa chữa thường xuyên tài sản. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến cơ cấu chi trong nguồn kinh phí giao tự chủ và thu nhập của cán bộ, giảng viên.

2.2.2. Về tự chủ chi

- Đối với các hoạt động đào tạo, trên cơ sở chỉ tiêu do Ban Tổ chức Trung ương giao, Học viện tiến hành giao chỉ tiêu đào tạo với số lượng điều chỉnh tăng từng năm trong khi đó kinh phí được giao tự chủ hàng năm chưa được tăng tương ứng nên gặp khó khăn trong triển khai.

- Việc bố trí 40% học phí chính quy để làm nguồn thực hiện cải cách tiền lương ảnh hưởng đến cơ cấu nguồn kinh phí tự chủ của các đơn vị và mức độ chênh lệch thu lớn chi cuối năm trong khi phần chi phí này không được tính toán trong phương án tự chủ tài chính.

- Một số định mức chi còn bị lạc hậu, không phù hợp với tình hình thực tiễn. Một số định mức chi liên quan đến thanh toán thù lao giảng viên chưa được điều chỉnh kịp thời, thậm chí còn thấp hơn các trường đại học công lập khác, không cân bằng với mặt bằng chung của xã hội. Cơ cấu các nhóm chi chưa đồng đều đặc biệt là nhóm chi nghiệp vụ chuyên môn, có sự chênh lệch về các định mức chi giữa các đơn vị dự toán, tùy thuộc vào mức độ tiết kiệm chi của từng đơn vị.

- Các phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động của các đơn vị dự toán chủ yếu vẫn dựa vào hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ mà chưa xây dựng phương án chi trả cho người lao động dựa trên mức độ đóng góp, hiệu quả và năng suất lao động.

- Có sự chênh lệch về tỷ lệ trích lập các quỹ giữa các đơn vị dự toán trên cơ sở giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính.

- Trong quy chế chi tiêu nội bộ của một số đơn vị chưa quy định cụ thể việc sử dụng và quản lý các quỹ, đặc biệt là quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2.2.3. Về phân cấp quản lý tài chính

- Tuy Học viện đã tiến hành phân cấp cho các đơn vị dự toán trong quản lý nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trong khi định mức chi vẫn thực hiện theo quy định của Học viện. Mặt khác, các đơn vị chưa thực hiện việc đăng ký giao khoán đề tài nên triển khai

gặp nhiều hạn chế về định mức chi cũng như thủ tục thanh quyết toán.

- Trong công tác quản lý đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm, sửa chữa tài sản, mức phân cấp cho các đơn vị dự toán dưới 500 triệu VND như hiện nay gặp nhiều bất cập. Do tài sản là nhà cửa của Học viện được xây dựng, cải tạo từ những năm 2000 trở về trước nên xảy ra tình trạng hỏng hóc, cần thiết phải đầu tư một lượng kinh phí lớn.

- Do mức độ phân cấp còn hạn chế nên dẫn đến tình trạng “quá tải” trong việc thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quyết toán công trình hoàn thành của đơn vị dự toán cấp I, đặc biệt là vào thời điểm cuối năm. Đối với các công trình đã phân cấp, các đơn vị dự toán chưa thực hiện chế độ thông tin báo cáo thường xuyên về tiến độ cũng như việc thanh quyết toán danh mục, công trình theo quy định.

2.3. Nguyên nhân

2.3.1. Nguyên nhân về phía Nhà nước

- Hệ thống văn bản quản lý nhà nước thiếu thống nhất, chưa đồng bộ từ công tác lập đến chấp hành dự toán ngân sách. Sự thay đổi chế độ, định mức chi tại các văn bản pháp lý của Nhà nước trong khi nguồn kinh phí không được tăng kịp thời gây ảnh hưởng đến nguồn kinh phí của các đơn vị.

- Trong công tác xây dựng dự toán, quy trình lập dự toán ngân sách của Việt Nam thường bị kéo dài (từ 6 đến 7 tháng) và được tiến hành hàng năm bắt đầu từ cơ sở, trải qua nhiều khâu, quy trình lập dự toán tương đối phức tạp, tốn nhiều thời gian để kịp thời hạn quy định, ảnh hưởng nhiều tới chất lượng của dự toán ngân sách tổng thể nói chung và dự toán ngân sách của từng đơn vị dự toán nói riêng. Căn cứ xây dựng dự toán còn chưa thật đầy đủ, các tài liệu, văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ, quy trình xây dựng dự toán còn bị hạn chế.

- Sự phân bổ ngân sách và các chính sách nhà nước còn bất hợp lý. Riêng đối với các học viên hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị – hành chính theo chỉ tiêu do Ban Tổ chức Trung ương giao, ngoài việc bao cấp toàn bộ kinh phí cho học viên như tài liệu, nơi ở, điện nước, tiền đi nghiên cứu thực tế, Học viện còn phải chi trả trợ cấp học viên. Tất cả khoản chi phí này hiện khó thể định lượng và xác định định mức cụ thể. Mặt khác, Nhà nước cũng chưa có quy định về định suất chi đối với lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng.

- Sự thiếu thống nhất, nhất quán của các cơ quan

tài chính, cơ quan kho bạc và các đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính trong triển khai cấp phát ngân sách và kiểm soát chi.

2.3.2. Nguyên nhân về phía Học viện

- Sự phối hợp công tác giữa các đơn vị chức năng trong Học viện (như Vụ Quản lý đào tạo, Vụ Tổ chức – Cán bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Quản lý khoa học) chưa chặt chẽ trong công tác xây dựng kế hoạch các mặt công tác (đào tạo, đào tạo lại, tài chính, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học) của Học viện. Công tác kế hoạch hiện nay của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chưa mang tính tổng thể ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng, thuyết minh số liệu với các Bộ Ngành.

- Chưa thường xuyên thực hiện công tác hướng dẫn kịp thời chế độ, chính sách quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng do Nhà nước ban hành cho các đơn vị dự toán trực thuộc. Nhiều chế độ, định mức chi về tài chính còn lạc hậu, bộc lộ nhiều bất cập nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung. Đối với một số chế độ, định mức mang tính đặc thù, Học viện chưa chủ động xây dựng văn bản xin ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành để làm căn cứ thực hiện chung cho toàn hệ thống.

- Chưa thực sự chú trọng đến công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của các đơn vị dự toán trực thuộc trong năm ngân sách dẫn đến chậm trễ tiến độ giải ngân, những vướng mắc trong quá trình quyết toán chưa xử lý kịp thời.

- Mặc dù hàng năm Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã từng bước quan tâm đến công tác tập huấn cơ chế, chính sách, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn về tài chính nhưng do thời gian và kinh phí có hạn nên mới chỉ giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, chưa tập trung chuyên sâu về từng lĩnh vực có liên quan đến công tác quản lý tài chính, tài sản và đầu tư xây dựng.

2.3.3. Nguyên nhân về phía đơn vị trực thuộc

- Một số đơn vị chưa chủ động trong quản lý điều hành ngân sách, còn bị động, lúng túng trong công tác triển khai, đặc biệt đối với nguồn kinh phí không thường xuyên. Sự phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn của đơn vị trong triển khai nhiệm vụ nói chung và tài chính nói riêng chưa chặt chẽ đặc biệt trong công tác lập dự toán ngân sách hàng năm.

- Công tác xây dựng kế hoạch chưa thực sự được

chú trọng và triển khai một cách khoa học dẫn đến tình trạng quyết toán nhằm lẫn nguồn kinh phí, thiếu kinh phí, phải điều chỉnh lại danh mục, kế hoạch vào cuối năm đặc biệt là trong triển khai các nhiệm vụ đầu tư mua sắm, cải tạo, sửa chữa tài sản.

- Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị còn chậm sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là các nhiệm vụ chi hoạt động đột xuất.

- Một số đơn vị chưa chủ động trong thực hiện công tác tự giám sát, kiểm tra các mặt hoạt động nhằm khắc phục kịp thời những sai sót trong quá trình triển khai các nhiệm vụ.

3. Giải pháp thực hiện tự chủ tài chính ở Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

3.1. Giải pháp về tạo lập nguồn thu

3.1.1. Đối với nguồn ngân sách nhà nước

Các đơn vị dự toán cần nâng cao chất lượng xây dựng dự toán trong các khâu sau: Tổ chức tốt khâu xây dựng kế hoạch các mặt công tác; Hoàn thiện hệ thống thông tin; Cần có dữ liệu cụ thể cần thiết phục vụ cho việc thuyết minh, giải trình các căn cứ lập dự toán. Trong quá trình xây dựng kế hoạch ngân sách, căn cứ vào văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm của Các cơ quan chức năng, các đơn vị dự toán tiến hành lập dự toán ngân sách nhà nước trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, hệ thống các chỉ tiêu được giao, các chế độ, định mức hiện hành của Nhà nước, số giao kiểm tra, kết quả thu sự nghiệp và chi hoạt động thường xuyên của năm trước liền kề để làm căn cứ lập dự toán thu chi năm kế hoạch.

3.1.2. Đối với nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước

- Thực hiện liên kết với các trường chính trị, các trung tâm nghiên cứu nhằm huy động đóng góp tài chính, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của Trường. Ngoài ra, cần có các chính sách khuyến khích mạnh mẽ phương thức tạo lập nguồn tài chính thông qua các hợp đồng nghiên cứu và cung ứng dịch vụ ra bên ngoài;

- Các đơn vị cần chủ động mở rộng các hoạt động thu hút đầu tư từ đào tạo (đa dạng hóa loại hình, lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn);

- Tận dụng các nguồn viện trợ thông qua quan hệ hợp tác song phương, đa phương; sự ủng hộ tài trợ của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thông qua các phương thức đầu tư như: đầu tư cơ sở vật chất cho công tác đổi mới hoạt động giáo dục – đào tạo tại giảng đường, ký túc xá, nhà ở học viện; đầu tư cho

hoạt động nghiên cứu khoa học;

- Xây dựng chế độ khuyến khích thỏa đáng đối với tập thể, cá nhân có đóng góp hiệu quả cho việc tăng nguồn thu dịch vụ cho đơn vị;

- Các đơn vị cần thực hiện thể chế hóa quy chế về các khoản thu và sử dụng các khoản đóng góp ngoài học phí. Thực hiện công khai hóa các mức thu học phí và các khoản đóng góp khác vào đầu năm học và điều chỉnh có tính đến yếu tố trượt giá, yếu tố chất lượng, chi phí đơn vị, khả năng đảm bảo ngân sách so với chi phí và các yếu tố khác (địa lý, yếu tố kinh tế - xã hội).

3.2. Giải pháp về tự chủ chi

Các đơn vị cần thực hiện hoàn thiện các quy định về định mức các khoản chi tiêu trên cơ sở các quy định của Nhà nước và đặc thù của các đơn vị trong quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở chất lượng, hiệu quả đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao thu nhập cho người lao động, trong đó tập trung vào các nội dung như sau:

3.2.1. Đối với chi thường xuyên

- Tăng cường trách nhiệm quản lý điều hành của thủ trưởng đơn vị nhằm đảm bảo nguồn vốn của Nhà nước giao cho đơn vị được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ sẽ làm căn cứ thanh toán và quản lý chi tiêu trong phạm vi nội bộ đơn vị;

- Tăng cường sử dụng hợp đồng thuê khoán đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ vừa đảm bảo tính chuyên nghiệp đồng thời hạn chế được việc tuyển dụng nhân sự như dịch vụ vệ sinh môi trường, chăm sóc vườn hoa cây cảnh,... thực hiện áp dụng các mức khoán văn phòng phẩm, mực in, xăng xe,...

- Quy định việc quản lý chặt chẽ việc chi trả thu nhập tăng thêm, trích lập và sử dụng các quỹ, cũng như các nguồn vốn và tài sản. Trong quá trình chi trả thu nhập tăng thêm và trích lập các quỹ, đơn vị cần tính toán cân bằng giữa việc tái đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp thông qua quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và xác định rõ các đối tượng, định mức chi cho người lao động đảm bảo sự công bằng, hợp lý nhằm khuyến khích động viên người lao động đóng góp vào sự phát triển chung của đơn vị;

- Hàng năm, thực hiện việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện tự chủ tài chính, đồng thời xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách

nhiệm theo quy định của Nhà nước từng giai đoạn với cơ quan cấp trên để có định hướng phát triển với đơn vị;

- Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo hoạt động sự nghiệp của đơn vị gửi các cơ quan quản lý theo định kỳ.

3.2.2. Đối với chi không thường xuyên

Cần có định hướng, chính sách đầu tư theo quy hoạch tổng thể, tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Mặt khác, việc sử dụng cơ sở vật chất phải đảm bảo công năng phục vụ tối đa cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cuối năm, đối với các nhiệm vụ chi không thường xuyên chưa chi hết, các đơn vị phải thực hiện công tác đối chiếu với Kho bạc và hoàn tất các thủ tục báo cáo về Học viện để tổng hợp báo cáo đề nghị Bộ Tài chính xét chuyển theo quy định. Để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao, các đơn vị cần đẩy nhanh tiến độ triển khai và thanh quyết toán trong niên độ ngân sách năm, tránh số dư kinh phí tồn đọng chuyển sang năm sau.

3.3. Giải pháp về phân cấp quản lý tài chính

- Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng cấp quản lý ngân sách đối với các đơn vị dự toán;

- Về phía các đơn vị dự toán: Cần tăng quyền tự chủ của các đơn vị trong việc quyết định các khoản chi thường xuyên đồng thời gắn liền trách nhiệm với quyền hạn của thủ trưởng đơn vị. Cần có những quy định cụ thể phân cấp quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính làm căn cứ cho các đơn vị thực hiện;

- Về phía Học viện: cần tiến hành đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng đơn vị để từ đó xây dựng quy định rõ ràng hơn về phân cấp quản lý tài chính, đặc biệt đối với các nhiệm vụ chi không thường xuyên nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiến độ thực hiện và giải ngân kinh phí. Đồng thời, Học viện cần có những văn bản hướng dẫn các đơn vị kịp thời trong quá trình triển khai ngân sách hàng năm;

- Việc phân cấp trong công tác quản lý tài chính của Học viện cần phải bảo đảm phù hợp với năng lực đội ngũ cán bộ từng đơn vị và gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên, từng bước mở rộng phân cấp thêm cho bên dưới khi đã đủ cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2006), *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2006.
- Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 77/NQ-CP của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017*, ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2014.
- Chính phủ (2015), *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 14 tháng 2 năm 2015.
- Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015), *Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 cho các đơn vị dự toán trực thuộc*, Hà Nội.
- Phùng Xuân Nhạ & Phạm Xuân Hoan (2012), 'Chi phí, lợi ích đầu tư cho giáo dục đại học Việt Nam và hàm ý về lộ trình cải cách học phí theo nhóm ngành', *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, tháng 10/2012.